TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 454/2024/DS-PT
Ngày: 20/8/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Ông Nguyễn Chí Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 252/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, hợp đồng tặng cho QSDĐ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 430/2024/QĐXXPT – DS ngày 20/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 509/2024/QĐPT-DS ngày 30/7/2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1982;

2.2. Chị Phan Thị Hồng Y, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Y: Luật sư Nguyễn Minh T1 – Văn phòng L3 – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1944;

3.2. Bà Biện Thị T2, sinh năm 1948;

3.3. Anh Nguyễn Minh T3, sinh năm 1984;

3.4. Chị Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

3.5. Chị Nguyễn Thị Ánh T4, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

3.6. Chị Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

3.7. Chị Lê Thị Hồng L2, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L2: Anh Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số B, P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T5, Chủ tịch

Bà T, chị Y, luật sư T1, anh Q có mặt tại phiên tòa; ông T5 có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Trần Thị Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2015, bà L có cho vợ chồng chị Y, anh P vay tiền cụ thể như sau: Ngày 09/02/2015, cho vay số tiền 329.000.000 đồng, thời hạn 20 tháng và ngày 06/8/2015, cho vay số tiền 330.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, khi vay thì bà L và vợ chồng chị Y, anh P có lập hợp đồng vay được công chứng tại Phòng C1. Tổng cộng 02 lần bà L cho vợ chồng chị Y, anh P vay số tiền là 659.000.000 đồng. Mục đích vay để làm vốn bán bia, nước ngọt.

Tính đến ngày 08/11/2015 (âl) vợ chồng chị Y, anh P còn nợ lại số tiền vốn vay là 534.000.000 đồng và có ký biên nhận còn nợ 534.000.000 đồng. Sau đó, chị Y, anh P có trả thêm được 12.000.000 đồng, còn nợ 522.000.000 đồng tiền vốn vay rồi không trả nữa.

Nay bà L yêu cầu chị Y, anh P trả số tiền vốn vay là 522.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/8/2015 đến tháng 8/2023 theo lãi suất 0,75%/tháng số tiền là 375.840.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 897.840.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thi hành án xong.

Đồng thời bà L yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 136/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ", đối với các thửa đất số 2436 và 2071 do anh Nguyễn Minh P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm thi hành án. Đề nghị xem xét vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa chị L2 với vợ chồng anh P, chị Y đối với các thửa đất nêu trên để đảm bảo thi hành án.

- Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hồng L2 là anh Nguyễn Quyết Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/8/2016, anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y cùng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35 diện tích 2.017m^2 với giá 200.000.000 đồng, và thửa đất số 2071 tờ bản đồ số 01 diện tích 2.015m^2 với giá 150.000.000 đồng cho chị Lê Thị Hồng L2 tại Phòng công chứng huyện C. Chị L2 đã trả cho anh P, chị Y toàn bộ số tiền chuyển nhượng hai thửa đất là 350.000.000 đồng, khi nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất đến bộ phận tiếp nhận của Ủy ban nhân dân huyện C, thì được thông báo hai thửa đất này đã bị Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị L nên chị L2 vẫn chưa được đứng tên quyền sử dụng đất. Đối với 02 thửa đất nêu trên hiện do cá nhân chị L2 đang trực tiếp quản lý sử dụng, nguồn tiền chuyển nhượng đất là tiền cá nhân của chị L2, không liên quan gì đến gia đình chị L2.

Khi xét xử sơ thẩm lần 1, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án huyện C. Sau đó Hội đồng xét xử phúc thẩm lại ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không đúng quy định pháp luật về hình thức, trình tự thủ tục. Do đó, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 136/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp là trái quy định pháp luật.

Nay chị L2 yêu cầu: Công nhận 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng

đất thửa đất thửa số 2436 và thửa đất số 2071 giữa vợ chồng anh P, chị Y với chị L2.

Yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 136/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với 02 thửa đất số 2436 và 2071.

Trường hợp Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị hủy bỏ, các tài sản nêu trên phải đảm bảo thi hành án, dẫn đến 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với chị L2 đối với 02 thửa đất số 2436 và thửa đất số 2071 bị vô hiệu, thì chị L2 yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu. Yêu cầu anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y, cùng liên đới trả cho chị L2 tiền giá trị đất tại thời điểm hiện tại theo giá mà hội đồng định giá đã định. Chị L2 không có yêu cầu gì đối với Văn phòng công chứng trong trường hợp hợp đồng chuyển nhượng bị vô hiệu, không đề nghị đưa Văn phòng công chứng tham gia tố tụng trong vụ án.

- Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, bà Biện Thị T2, trình bày:

Năm 2015, do anh P, chị Y cần vay tiền Ngân hàng để làm vốn mua bán nên ông C, bà T2, anh T3 mới ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2436 cho anh P đứng tên quyền sử dụng đất, mục đích để anh P thế chấp vay tiền Ngân hàng. Trên thực tế ông C và bà T2 vẫn quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 2436 để trồng lúa. Việc anh P ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 2436 lại cho chị L2 thì ông C, bà T2 không biết.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, ông C và bà T2 yêu cầu: Tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/9/2015 tại thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35 giữa ông C, bà T2, anh T3 với anh P; Hủy Quyết định áp dụng biện pháp biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 2436 cấp cho anh Nguyễn Minh P.

Quá trình giải quyết vụ án, ông C, bà T2 đã có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y là ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Chị Y và anh P không có vay tiền của bà L, số tiền mà bà L yêu cầu chị Y và anh P trả theo 02 hợp đồng vay nêu trên thực tế là số tiền nợ hụi của chị Y với bà L cụ thể: Đối với khoản vay 329.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 09/02/2015, thực tế là khoản nợ hụi chết mà chị Y còn thiếu của nhiều dây hụi

loại 5.000.000 đồng/phần do bà L làm chủ hụi mà chị Y tham gia vào năm 2014 và năm 2015. Sau khi tổng kết lại thì bà L bắt buộc chị Yến a P phải ra Phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2015, với nội dung vợ chồng chị Yến anh P1 vay bà L 329.000.000 đồng, để bảo đảm việc trả nợ hụi cho bà L. Sau khi ký hợp đồng vay thì chị Y, anh P1 vẫn tiếp tục đóng hụi chết nhiều lần được tổng cộng 124.000.000 đồng, còn nợ 205.000.000 đồng; Bà L tiếp tục yêu cầu chị Y tham gia dây hụi loại 30.000.000 đồng/phần x 12 phần, 03 tháng khui 01 lần, khui hụi lần đầu ngày 21/7/2015 âm lịch do bà L làm chủ hụi. Chị Y hốt hụi lần đầu được 205.000.000 đồng (đã trừ hoa hồng) nhưng bà L không giao hụi, mà cấn trừ vào khoản nợ hụi còn lại 205.000.000 đồng. Đồng thời, bà L bắt buộc vợ chồng chị Y, anh P1 tiếp tục ra Phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền ngày 06/8/2015, với nội dung có vay của bà L số tiền 330.000.000 đồng tương đương với số tiền hụi chết của dây hụi loại 30.000.000 đồng/phần (11 lần x 30.000.000 đồng = 330.000.000 đồng). Sau khi ký hợp đồng vay 330.000.000 đồng ngày 06/8/2015, chị Y, anh P1 có đóng hụi chết được 02 lần là 60.000.000 đồng, sau đó chị Yến anh P1 trả tiếp được 10.850.000 đồng, còn nợ 259.150.000 đồng. Sau đó chị Y, anh P1 không có khả năng đóng tiếp, nên bà L đồng ý cho chị Y trả góp mỗi tháng 3.000.000 đồng, chị Y, anh P1 góp tiếp được 03 lần tổng cộng được 11.900.000 đồng, còn nợ tiền hụi là 247.250.000 đồng; sau đó chị Y trả thêm được 70.000.000 đồng. Như vậy, sau khi ký hợp đồng vay của bà L 330.000.000 đồng, thì chị Y, anh P1 đã trả được tổng cộng: 152.750.000đồng, còn nợ lại số tiền nợ hụi là 177.250.000 đồng.

Do đó, chị Y, anh P1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Chị Y, anh P1 chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền nợ hụi còn lại là l77.250.000 đồng.

Đối với việc bà L yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ", đối với 02 thửa đất số 2436 và 2071 do anh Nguyễn Minh P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh P và chị Y không đồng ý, hai thửa đất trên anh P và chị Y đã chuyển nhượng cho chị Lê Thị Hồng L2 với giá 350.000.000 đồng, đã nhận đủ tiền và đã giao đất cho chị L2 quản lý sử dụng. Anh P và chị Y đồng ý để chị L2 được đứng tên quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký. Trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với chị L2 bị vô hiệu thì anh P, chị Y đồng ý trả lại cho chị L2 số tiền chuyển nhượng đất là 350.000.000 đồng, xin không tính lãi. Anh P, chị Y cũng không có yêu cầu gì đối với Văn phòng công chứng trong trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng đất bị vô hiệu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Minh T3, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Thị Ánh T4, chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày: Không có yêu cầu gì liên quan đến nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất giá trị đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định là 150.000 đồng/m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023, của Toà án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn vay là 522.000.000 đồng và tiền lãi là 375.840.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 897.840.000 (tám trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 136/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ", đối với các thửa đất số 2436 và 2071 do anh Nguyễn Minh P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc của chị Lê Thị Hồng L2:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L2 về việc công nhận hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y với chị Lê Thị Hồng L2 tại thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 2071 tờ bản đồ số 01, được công chứng ngày 22/8/2016 tại Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp. Tuyên bố vô hiệu hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y với chị Lê Thị Hồng L2 tại thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 2071 tờ bản đồ số 01, được công chứng ngày 22/8/2016 tại Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L2 về việc xử lý hậu quả việc vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng. Buộc anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y trả cho chị Lê Thị Hồng L2 số tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại tổng số tiền 593.100.000 (năm trăm chín mươi ba triệu một trăm ngàn) đồng. Chị L2 phải trả lại cho vợ chồng anh P, chị Y thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 2071 tờ bản đồ số 01 để đảm bảo thi hành án.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C, bà Biện Thị T2 về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2436.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho

bà Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.060.500 đồng theo biên lai số 11551 ngày 23/8/2016 và biên lai số 11781 ngày 11/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4.2. Anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y phải chịu 56.728.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Chị Lê Thị Hồng L2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Lê Thị Hồng L2 số tiền tạm ứng án phí chị L2 đã nộp 8.750.000 đồng theo biên lai số 0000063 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4.4. Ông Nguyễn Văn C và bà Biện Thị T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C, bà T2 tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 02750 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về chi phí giám định chữ ký, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

5.1. Anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y phải chịu chi phí giám định chữ ký là 2.025.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng và thanh toán xong, nên anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.025.000 đồng.

5.2. Anh P, chị Y phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.634.000 đồng. Do chị L2, bà L đã nộp tạm ứng và thanh toán xong, nên anh P, chị Y phải hoàn trả cho chị L2 số tiền 3.634.000 đồng, trả cho bà L số tiền 1.000.000 đồng.

5.3. Ông Nguyễn Văn C và bà Biện Thị T2 phải chịu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.649.000 đồng (đã nộp tạm ứng và thanh toán xong).

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về hướng dẫn thi hành án, thời hạn kháng cáo.

Ngày 10/11/2023 chị Phan Thị Hồng Y, anh Nguyễn Minh P yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L với số tiền nợ hụi 177.250.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Lê Thị Hồng L2, công

nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với chị L2 đối với thửa đất 2436, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.017m² và thửa 2071, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.015m², loại đất lúa, cùng tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13/11/2023, chị Lê Thị Hồng L2 yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 136/2021/QĐ-BPKCTT của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với chị L2 đối với thửa đất 2436, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.017m² và thửa 2071, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.015m², cùng tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Y, chị L2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị T đại diện theo ủy quyền của bà L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị Y, chị L2; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Y Luật sư Nguyễn Minh T1 trình bày: xác định giao dịch giữa bà L với chị Y là giao dịch hụi chứ không phải giao dịch vay; hợp đồng vay nhằm che dấu của hợp đồng hụi nên chị Y, anh P chỉ còn nợ bà L 177.250.000 đồng; hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với chị L2 là hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Y; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của chị Phan Thị Hồng Y, anh Nguyễn Minh P và chị Lê Thị Hồng L2 kháng cáo sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Xét việc anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y kháng cáo không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 522.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 177.250.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L yêu cầu chị Phan Thị Hồng Y và anh Nguyễn Minh P có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay là 522.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/8/2015 đến ngày 06/8/2023 theo lãi suất 0,75%/tháng số tiền là 375.840.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 897.840.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thi hành án xong. Các chứng cứ mà bà L đưa ra chứng minh là 02 hợp đồng vay có công chứng tại Văn phòng C2 vào ngày 09/02/2015 và ngày 06/8/2015; cùng Biên nhận nợ tiền vay ngày 08 (AL)-11-2015 thì có đủ căn cứ xác định có việc chị Y, anh P có vay tiền của bà L theo 02 hợp đồng tổng cộng là 659.000.000 đồng; bà L thừa nhận phía anh P, chị Y đã trả một phần tiền nợ vốn là 137.000.000 đồng, hiện còn nợ là 522.000.000 đồng.

Việc anh P và chị Y cho rằng không có vay tiền, chỉ còn nợ tiền hụi 177.250.000 đồng nhưng anh P và chị Y không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh và không được phía nguyên đơn thừa nhận.

Qua kết Kết luận giám định số 60/LL-KTHS, ngày 30/01/2018 của Phòng K Công an tỉnh Đ xác định: Trong biên nhận ngày 8AL/11/2015 chữ ký và chữ viết họ tên " Phan Thị Hồng Y" chữ ký và chữ viết họ tên "Nguyễn Minh P" bằng mực màu xanh là của anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y ký, viết ra. Như vậy, có đủ cơ sở xác định anh P, chị Y có vay tiền của bà L và chưa trả vốn 522.000.000 đồng. Do đó, việc bà L yêu cầu anh P, chị Y trả số tiền nợ còn lại là 522.000.000 đồng là có căn cứ nên cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

Về lãi suất: Trong 02 hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2015 và ngày 06/8/2015 có ghi nhận hai bên tự thỏa thuận lãi suất theo qui định của pháp luật nhưng sau đó hai bên đã viết lại biên nhận nợ với số tiền còn thiếu 534.000.000 đồng không có ghi nhận lãi suất và nay phía bị đơn xác định không vay tiền vay tiền của nguyên đơn, có tranh chấp lãi suất nên xem xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp. Tuy nhiên, nguyên đơn bà L chỉ yêu cầu tính lãi suất 0,75 % là có lợi

cho phía bị đơn nên ghi nhận.

Đối với việc bà L2 kháng cáo yêu cầu tuyên hủy bỏ Quyết định áp dụng biện khẩn cấp tạm thời số 136/2021/QĐ-BPKCTT của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu công nhận 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu anh P, chị Y tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSĐ đất tại thửa đất số 2436, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 2071, tờ bản đồ số 01 để chị Lê Thị Hồng L2 được đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 136/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ", đối với các thửa đất số 2436 và 2071 do anh Nguyễn Minh P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm thi hành án. Nhận thấy do bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 897.840.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của bị đơn để đảm bảo thi hành án là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, việc bà L2 yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 136/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 16/6/2021, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ chấp nhận.

Do các thửa đất số 2436 và 2071 do anh Nguyễn Minh P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo thi hành án. Do đó, đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với bà L2 không thể thực hiện được. Do đó, việc bà L2 kháng cáo yêu cầu công nhận 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh P, chị Y với chị L2 là không có căn cứ chấp nhận. Do đối tượng của hợp đồng không thể thực hiện được nên hợp đồng chuyển nhượng giữa chị L2 với anh P, chị Y bị vô hiệu.

Xét việc chị L2 yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Xét thấy, nguyên nhân dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng anh P, chị Y bị vô hiệu là do phần đất chuyển nhượng bị phong tỏa để đảm bảo thi hành án cho nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng anh P, chị Y. Do đó, lỗi dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu là do vợ chồng anh P, chị Y. Do đó, việc chị L2 yêu cầu vợ chồng anh P, chị Y bồi thường hợp đồng là trả lại giá trị đất theo giá Hội đồng định giá đã định là phù hợp.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,

tỉnh Đồng Tháp; không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Hồng Y và bà Lê Thị Hồng L2. Đề nghị Hội đồng xét xử căn khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà lời phát biểu của Luật sư và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y, chị Lê Thị Hồng L2 kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Minh P vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của anh P được xem là đã từ bỏ việc kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh P được quy định tại khoản 1 Điều 289 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3]. Chị Phan Thị Hồng Y yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L với số tiền nợ hụi 177.250.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Lê Thị Hồng L2, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với chị L2 đối với thửa đất 2436, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.017m² và thửa 2071, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.015m², loại đất lúa, cùng tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh P và chị Y xác định chỉ còn nợ bà L số tiền 177.250.000 đồng và đây là tiền nợ hụi chứ không phải tiền vay. Tuy nhiên, anh P và chị Y không có chứng cứ gì chứng minh tiền thiếu bà L là tiền hụi và đã trả tiền cho bà L.

Đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với chị L2 đối với thửa đất 2436, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.017m² và thửa 2071, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.015m², loại đất lúa. Đối với các thửa đất số 2436 và 2071 do anh Nguyễn Minh P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh P và chị Y đang nợ bà L do đó anh P và chị Y phải có nghĩa vụ trả cho bà L theo các hợp đồng vay ngày 09/02/2015 và hợp đồng vay ngày 06/8/2015 và lãi. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng anh P, chị Y bị vô hiệu là do phần đất chuyển nhượng bị phong tỏa để đảm bảo thi hành án cho nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng anh P, chị Y. Tại giai đoạn phúc thẩm chị Y

cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị Y là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Chị Lê Thị Hồng L2 yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 136/2021/QĐ-BPKCTT của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh P, chị Y với chị L2 đối với thửa đất 2436, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.017m² và thửa 2071, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.015m², cùng tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng huyện C.

Như đã nhận định tại mục [3] do hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ các thửa đất số 2436 và 2071 do anh Nguyễn Minh P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng bị vô hiệu nên vẫn giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 136/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị L2 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[6]. Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Y là chưa phù hợp nên không chấp nhận như đã nhận định.

[7]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh P; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Y, chị Hồng L2 là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận như đã nhận định.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Y, chị L2 không chấp nhận nên chị Y, chị L2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh P nên anh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9]. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh P.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Hồng Y.

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Hồng L2.

4. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn vay là 522.000.000 đồng và tiền lãi là 375.840.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 897.840.000 (tám trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 136/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ", đối với các thửa đất số 2436 và 2071 do anh Nguyễn Minh P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm thi hành án.

4.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc của chị Lê Thị Hồng L2:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L2 về việc công nhận hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y với chị Lê Thị Hồng L2 tại thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 2071 tờ bản đồ số 01, được công chứng ngày 22/8/2016 tại Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp. Tuyên bố vô hiệu hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y với chị Lê Thị Hồng L2 tại thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 2071 tờ bản đồ số 01, được công chứng ngày 22/8/2016 tại Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L2 về việc xử lý hậu quả việc vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng. Buộc anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y trả cho chị Lê Thị Hồng L2 số tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại

tổng số tiền 593.100.000 (năm trăm chín mươi ba triệu một trăm ngàn) đồng. Chị L2 phải trả lại cho vợ chồng anh P, chị Y thửa đất số 2436 tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 2071 tờ bản đồ số 01 để đảm bảo thi hành án.

4.3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C, bà Biện Thị T2 về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2436.

4.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.060.500 đồng theo biên lai số 11551 ngày 23/8/2016 và biên lai số 11781 ngày 11/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y phải chịu 56.728.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị Hồng L2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Lê Thị Hồng L2 số tiền tạm ứng án phí chị L2 đã nộp 8.750.000 đồng theo biên lai số 0000063 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Ông Nguyễn Văn C và bà Biện Thị T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C, bà T2 tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 02750 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4.5. Về chi phí giám định chữ ký, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y phải chịu chi phí giám định chữ ký là 2.025.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng và thanh toán xong, nên anh Nguyễn Minh P và chị Phan Thị Hồng Y phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.025.000 đồng.

- Anh P, chị Y phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.634.000 đồng. Do chị L2, bà L đã nộp tạm ứng và thanh toán xong, nên anh P, chị Y phải hoàn trả cho chị L2 số tiền 3.634.000 đồng, trả cho bà L số tiền 1.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn C và bà Biện Thị T2 phải chịu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.649.000 đồng (đã nộp tạm ứng và thanh toán xong).

4.6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002056 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Anh Nguyễn Minh P, chị Phan Thị Hồng Y còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Chị Lê Thị Hồng L2 phải chịu 300.000đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002062 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

6.Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước